

**KẾ HOẠCH
Tuyển dụng viên chức năm 2023**

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 6/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội vụ ban hành quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức;

Căn cứ Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ ban hành Kế hoạch tuyển dụng viên chức năm 2023 tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện, gồm nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU VÀ PHƯƠNG THỨC TUYỂN DỤNG

1. Mục đích

Tuyển dụng viên chức vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp trực thuộc huyện nhằm bổ sung đủ về số lượng người làm việc, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao, đảm bảo chất lượng, đúng cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức và vị trí việc làm.

2. Yêu cầu

- Việc tổ chức tuyển dụng phải căn cứ vào nhu cầu công việc, vị trí việc làm gắn với chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc đã được duyệt.

- Công tác tuyển dụng phải đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật; đảm bảo tính cạnh tranh.

- Những người được tuyển chọn phải đảm bảo đúng tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ gắn với chức danh nghề nghiệp, hạng chức danh nghề nghiệp cần tuyển.

3. Phương thức tuyển dụng: Việc tuyển dụng viên chức được thực hiện thông qua hình thức xét tuyển.

II. SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC ĐƯỢC GIAO, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC CHƯA SỬ DỤNG VÀ SỐ LƯỢNG VIÊN CHỨC CẦN TUYỂN Ở TỪNG VỊ TRÍ VIỆC LÀM

- Tổng số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao của các đơn vị có nhu cầu tuyển dụng viên chức: 1080.

- Tổng số lượng người làm việc chưa sử dụng của các đơn vị có nhu cầu tuyển dụng viên chức: 197.

- Tổng số lượng viên chức cần tuyển ở từng vị trí việc làm: **120** chỉ tiêu, cụ thể:

STT	Vị trí việc làm cần tuyển dụng	Mã số chức danh nghề nghiệp	Số lượng chỉ tiêu
	Tổng		120
1	Công nghệ thông tin	V.11.06.14; V.11.06.15	3
2	Giáo viên (dạy nhiều môn; âm nhạc; mỹ thuật; tin học; hóa học; tiếng Anh; giáo dục kinh tế và pháp luật; dạy nghề ngành nông nghiệp; tổng phụ trách đội)	V.07.03.29; V.07.04.32; V.07.05.15	28
3	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	V.07.06.16	2
4	Kế toán	06.031; 06.032	6
5	Nhân viên giáo vụ	V.07.07.21	1
6	Thiết bị, thí nghiệm	V.07.07.20	4
7	Thư viện	V.10.02.06; V.10.02.07	3
8	Bác sĩ	V.08.01.03	41
9	Bác sĩ Y học dự phòng	V.08.02.06	1
10	Y tế công cộng	V.08.04.10	1
11	Kỹ thuật y	V.08.07.19	2
12	Hộ sinh	V.08.06.16	5
13	Điều dưỡng	V.08.05.13	4
14	Phóng viên	V.11.02.06	2

STT	Vị trí việc làm cần tuyển dụng	Mã số chức danh nghề nghiệp	Số lượng chỉ tiêu
15	Tổ chức sự kiện (âm thanh)	V11.09.26	2
16	Chuyên trách Văn hóa - Thể thao xã	V.10.07.23	3
17	Nghệ vụ thể thao cộng đồng	V.10.01.03	3
18	Quản lý, bảo vệ rừng	V.03.10.29	3
19	Du lịch sinh thái	V.03.10.29	2
20	Kế hoạch	01.003	1
21	Tổ chức - Hành chính	01.003	2
22	Kiểm kê và lập hồ sơ bồi thường	01.003	1

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

III. TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN Ở TỪNG VỊ TRÍ VIỆC LÀM

1. Điều kiện đăng ký dự tuyển

1.1. Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển viên chức

- Có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam;
- Từ đủ 18 tuổi trở lên;
- Có Phiếu đăng ký dự tuyển;
- Có lý lịch rõ ràng;
- Có văn bằng, chứng chỉ đào tạo, chứng chỉ hành nghề hoặc có năng khiếu, kỹ năng phù hợp với vị trí việc làm (Chi tiết theo Phụ lục đính kèm);
- Đủ sức khỏe để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ;
- Đáp ứng các điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí việc làm do đơn vị sự nghiệp công lập xác định nhưng không được trái với quy định của pháp luật.

1.2. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển viên chức

- Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng.

2. Đối tượng và điểm ưu tiên trong tuyển dụng viên chức

- Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2;

- Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành, học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: được cộng 5 điểm vào kết quả điểm vòng 2;

- Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong: được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2;

Lưu ý: Trường hợp người dự xét tuyển thuộc nhiều diện ưu tiên thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm vòng 2.

IV. HÌNH THỨC, NỘI DUNG, TRÌNH TỰ TỔ CHỨC TUYỂN DỤNG VÀ XÁC ĐỊNH NGƯỜI TRÚNG TUYỂN

1. Hình thức tuyển dụng: Tuyển dụng thông qua xét tuyển.

2. Nội dung xét tuyển

Xét tuyển viên chức được thực hiện theo 02 vòng như sau:

- Vòng 1: Kiểm tra điều kiện dự tuyển tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, nếu đáp ứng đủ thì người dự tuyển được tham dự vòng 2.

- Vòng 2: Thi môn nghiệp vụ chuyên ngành

+ Hình thức xét tuyển: Phỏng vấn.

+ Nội dung: Kiểm tra kiến thức, kỹ năng hoạt động nghề nghiệp người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

+ Thời gian xét tuyển: 30 phút (trước khi phỏng vấn, thí sinh có không quá 15 phút chuẩn bị).

+ Thang điểm: 100 điểm.

3. Trình tự tổ chức tuyển dụng

3.1. Ban hành thông báo tuyển dụng và tiếp nhận phiếu đăng ký dự tuyển

a) Ủy ban nhân dân huyện ban hành thông báo tuyển dụng và công khai ít nhất 01 lần trên một trong những phương tiện thông tin đại chúng là báo in, báo điện tử, báo nói, báo hình; đồng thời đăng tải trên cổng thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân huyện.

b) Tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển theo thông báo tuyển dụng (trong 30 ngày kể từ ngày thông báo tuyển dụng được công khai)

3.2. Tổ chức xét tuyển viên chức

a) Thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2023 và Ban Giám sát kỳ tuyển dụng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định.

b) Thành lập Ban kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển do Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng quyết định chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày thành lập Hội đồng tuyển dụng.

c) Tiến hành vòng 1: kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển đăng ký tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm. Trường hợp người dự tuyển không đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn dự tuyển thì chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển, Hội đồng tuyển dụng có trách nhiệm gửi thông báo bằng văn bản tới người đăng ký dự tuyển được biết theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký.

d) Chậm nhất 05 ngày làm việc sau ngày kết thúc việc kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển tại vòng 1, Hội đồng tuyển dụng phải lập danh sách và thông báo triệu tập thí sinh đủ điều kiện dự xét tuyển ở vòng 2, đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng.

e) Thành lập Ban kiểm tra sát hạch để thực hiện phỏng vấn tại vòng 2.

f) Tổ chức vòng 2: chậm nhất 15 ngày kể từ ngày thông báo triệu tập thí sinh được tham dự vòng 2, Hội đồng tuyển dụng phải tiến hành tổ chức thi vòng 2 để kiểm tra về kiến thức, kỹ năng hoạt động nghề nghiệp người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

g) Tổ chức tổng hợp kết quả xét tuyển.

3.3. Thông báo kết quả tuyển dụng viên chức

a) Chậm nhất 05 ngày làm việc sau khi hoàn thành việc chấm điểm vòng 2, Hội đồng tuyển dụng báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện xem xét, công nhận kết quả tuyển dụng.

b) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có quyết định công nhận kết quả tuyển dụng, Hội đồng tuyển dụng thông báo công khai trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân huyện và gửi thông báo công nhận kết quả trúng tuyển bằng văn bản tới người dự tuyển.

4. Xác định người trúng tuyển

4.1. Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức phải có đủ các điều kiện sau:

- Có kết quả điểm tại vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên;
- Có số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên quy định tại khoản 2, Mục 3 của Kế hoạch này (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

4.2. Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm tại vòng 2 cộng với

điểm ưu tiên (nếu có) bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng của vị trí việc làm cần tuyển thì người có kết quả điểm tại vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định người trúng tuyển.

4.3. Người không trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức không được bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ xét tuyển lần sau.

V. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM TUYỂN DỤNG

1. Dự kiến thời gian tổ chức tuyển dụng

- Thông báo tuyển dụng và tiếp nhận phiếu đăng ký dự tuyển: từ ngày 01 tháng 6 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023.

- Tổ chức xét tuyển viên chức và thông báo kết quả tuyển dụng viên chức: tháng 7 đến tháng 8 năm 2023.

2. Địa điểm tổ chức xét tuyển: Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ.

VI. KINH PHÍ TUYỂN DỤNG

Thực hiện theo Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức và Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định nội dung, mức chi tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức; thi (xét) nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Nội vụ: chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân huyện công tác tuyển dụng viên chức năm 2023 theo đúng quy định.

2. Phòng Giáo dục và Đào tạo: phối hợp với Phòng Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân huyện công tác tuyển dụng viên chức năm 2023 đối với khối giáo dục và đào tạo.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch: chịu trách nhiệm hướng dẫn Hội đồng tuyển dụng viên chức (thông qua Phòng Nội vụ) nội dung thanh quyết toán trong công tác tuyển dụng viên chức năm 2023.

4. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện (Tổ Tin học): có trách nhiệm đăng tải các thông tin có liên quan đến công tác tuyển dụng viên chức năm 2023 theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân huyện trên Cổng thông tin điện tử huyện Cần Giờ.

5. Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thông huyện: có trách nhiệm thông báo công khai các nội dung có liên quan đến công tác tuyển dụng viên chức năm 2023 theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân huyện.

6. Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp có chỉ tiêu tuyển dụng viên chức: triển khai thực hiện Kế hoạch theo chỉ tiêu đã đăng ký.

Trên đây là Kế hoạch tuyển dụng viên chức năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ./. *ph*

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ Thành phố;
- Thường trực Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch;
- Văn phòng HĐND và UBND huyện;
- Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thông huyện;
- Các đơn vị có nhu cầu tuyển dụng;
- Phòng Nội vụ;
- Lưu: VT, NV, MN. *trac*



Nguyễn Văn Hồng





NHU CẦU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2023

(Kèm theo Kế hoạch số 3299/KH-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện)

Số TT	Vị trí cần tuyển dụng	Chỉ tiêu	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP	MÃ CDNN	Yêu cầu về trình độ đào tạo, bồi dưỡng (hướng dẫn quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học tại Phụ lục 2 đính kèm)			Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học	
A	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	45						
I	Cơ sở giáo dục khác	9						
I	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Cần Giuộc	7						
1.1	Giáo viên Hóa học	1	Giáo viên trung học phổ thông hạng III	V.07.05.15	- Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên môn Hóa học. - Trường hợp có bằng cử nhân chuyên ngành khác phù hợp với môn Hóa học thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học phổ thông theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ¹
1.2	Giáo viên Giáo dục kinh tế và pháp luật	1	Giáo viên trung học phổ thông hạng III	V.07.05.15	- Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên môn Giáo dục kinh tế và pháp luật. - Trường hợp có bằng cử nhân chuyên ngành khác phù hợp với môn Giáo dục kinh tế và pháp luật thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học phổ thông theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ¹

Số TT	Vị trí cần tuyển dụng	Chỉ tiêu	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP	MÃ CDNN	Yêu cầu về trình độ đào tạo, bồi dưỡng (hướng dẫn quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học tại Phụ lục 2 đính kèm)			Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học	
1.3	Giáo viên Tiếng Anh	1	Giáo viên trung học phổ thông hạng III	V.07.05.15	- Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên môn Tiếng Anh. - Trường hợp có bằng cử nhân chuyên ngành khác phù hợp với môn Tiếng Anh thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học phổ thông theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ¹
1.4	Giáo viên Ngữ văn	1	Giáo viên trung học phổ thông hạng III	V.07.05.15	- Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên môn Ngữ văn. - Trường hợp có bằng cử nhân chuyên ngành khác phù hợp với môn Ngữ văn thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học phổ thông theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ¹
1.5	Giáo viên dạy nghề ngành nông nghiệp	1	Giáo viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết hạng III	V.09.02.07	- Có bằng tốt nghiệp đại học hoặc đại học sư phạm trở lên chuyên ngành phù hợp với ngành, nghề giảng dạy. - Có chứng chỉ sư phạm dạy nghề dạy trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề hoặc chứng chỉ bồi dưỡng sư phạm bậc 2 hoặc chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm giáo viên trung cấp chuyên nghiệp hoặc bằng tốt nghiệp cao đẳng chuyên ngành sư phạm hoặc chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm dạy trình độ trung cấp hoặc tương đương trở lên.	Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 (A2) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT hoặc tương đương trở lên.	Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT hoặc tương đương trở lên.	Thông tư số 03/2018/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 06 năm 2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ²
1.6	Nhân viên giáo vụ	1	Viên chức giáo vụ	V.07.07.21	Có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm trở lên (hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên các chuyên ngành khác phù hợp với vị trí việc làm giáo vụ).	-	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư số 22/2022/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ³

Số TT	Vị trí cần tuyển dụng	Chỉ tiêu	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP	MÃ CDNN	Yêu cầu về trình độ đào tạo, bồi dưỡng (hướng dẫn quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học tại Phụ lục 2 đính kèm)			Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học	
1.7	Thiết bị, thí nghiệm	1	Viên chức thiết bị, thí nghiệm	V.07.07.20	Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành Công nghệ thiết bị trường học (hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên các chuyên ngành khác phù hợp với vị trí việc làm thiết bị, thí nghiệm ở trường trung học).	-	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư số 21/2022/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ⁴
2	Trường Chuyên biệt Cần Thạnh	2						
2.1	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	2	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật hạng IV	V.07.06.16	Có bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên ngành hỗ trợ giáo dục người khuyết tật trở lên hoặc có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên một trong các ngành: sư phạm, y tế, công tác xã hội, tâm lý và có chứng chỉ nghiệp vụ về hỗ trợ giáo dục người khuyết tật theo chương trình do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.	Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 (A1) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT hoặc tương đương trở lên.	Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT hoặc tương đương trở lên.	Thông tư liên tịch số 19/2016/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 22 tháng 6 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ ⁵
II	Khối mầm non	3						
1	Trường Mầm non Cần Thạnh 2	1						
1.1	Kế toán	1	Kế toán viên trung cấp	06.032	Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính.	-	-	Thông tư số 29/2022/TT-BTC ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính ⁶
2	Trường Mầm non Lý Nhơn	1						
2.1	Kế toán	1	Kế toán viên trung cấp	06.032	Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính	-	-	Thông tư số 29/2022/TT-BTC ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính ⁶
3	Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp	1						

Số TT	Vị trí cần tuyển dụng	Chỉ tiêu	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP	MÃ CDNN	Yêu cầu về trình độ đào tạo, bồi dưỡng (hướng dẫn quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học tại Phụ lục 2 đính kèm)			Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học	
3.1	Kế toán	1	Kế toán viên	06.031	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính.	Sử dụng được ngoại ngữ	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	Thông tư số 29/2022/TT-BTC ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính ⁶
III	Khối tiểu học	23						
1	Trường Tiểu học An Nghĩa	1						
1.1	Giáo viên dạy nhiều môn	1	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên tiểu học.	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ⁷
2	Trường Tiểu học Bình Khánh	3						
2.1	Giáo viên dạy nhiều môn	2	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên tiểu học.	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ⁷
2.2	Công nghệ thông tin	1	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên các ngành đào tạo về công nghệ thông tin hoặc các ngành gần đào tạo về công nghệ thông tin.	Sử dụng được ngoại ngữ	-	Thông tư số 08/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông ⁸
			Công nghệ thông tin hạng IV	V.11.06.15	Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên các ngành đào tạo về công nghệ thông tin hoặc các ngành gần đào tạo về công nghệ thông tin	-	-	
3	Trường Tiểu học Bình Mỹ	2						
3.1	Giáo viên dạy nhiều môn	1	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên tiểu học.	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ⁷

Số TT	Vị trí cần tuyển dụng	Chỉ tiêu	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP	MÃ CDNN	Yêu cầu về trình độ đào tạo, bồi dưỡng (hướng dẫn quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học tại Phụ lục 2 đính kèm)			Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học	
3.2	Giáo viên Âm nhạc	1	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	- Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên môn Âm nhạc. - Trường hợp có bằng cử nhân chuyên ngành khác phù hợp với môn Âm nhạc thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ⁷
4	Trường Tiểu học Bình Phước	1						
4.1	Giáo viên Âm nhạc	1	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	- Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên môn Âm nhạc. - Trường hợp có bằng cử nhân chuyên ngành khác phù hợp với môn Âm nhạc thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ⁷
5	Trường Tiểu học Bình Thạnh	1						
5.1	Giáo viên Tin học	1	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	- Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên môn Tin học. - Trường hợp có bằng cử nhân chuyên ngành khác phù hợp với môn Tin học thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ⁷
6	Trường Tiểu học Cần Thạnh	5						
6.1	Giáo viên dạy nhiều môn	1	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên tiểu học.	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ⁷
6.2	Giáo viên Mỹ thuật	1	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	- Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên môn Mỹ thuật. - Trường hợp có bằng cử nhân chuyên ngành khác phù hợp với môn Mỹ thuật thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ⁷

Số TT	Vị trí cần tuyển dụng	Chỉ tiêu	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP	MÃ CDNN	Yêu cầu về trình độ đào tạo, bồi dưỡng (hướng dẫn quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học tại Phụ lục 2 đính kèm)			Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học	
6.3	Giáo viên Âm nhạc	1	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	- Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên môn Âm nhạc. - Trường hợp có bằng cử nhân chuyên ngành khác phù hợp với môn Âm nhạc thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ⁷
6.4	Giáo viên Tổng phụ trách đội	1	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	- Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên tiểu học. - Đã được đào tạo nghiệp vụ công tác Đội hoặc bồi dưỡng về nghiệp vụ công tác Đội	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ⁷
6.5	Thư viện	1	Thư viện viên hạng III	V.10.02.06	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành thông tin - thư viện. Trường hợp tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thông tin - thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp.	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư số 08/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ⁹
			Thư viện viên hạng IV	V.10.02.07	Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành thông tin - thư viện. Trường hợp tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thông tin - thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp.	-	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	
7	Trường Tiểu học Cần Thạnh 2	3						
7.1	Giáo viên dạy nhiều môn	1	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên tiểu học.	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ⁷

Số TT	Vị trí cần tuyển dụng	Chỉ tiêu	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP	MÃ CDNN	Yêu cầu về trình độ đào tạo, bồi dưỡng (hướng dẫn quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học tại Phụ lục 2 đính kèm)			Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học	
7.2	Giáo viên Tin học	1	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	- Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên môn Tin học. - Trường hợp có bằng cử nhân chuyên ngành khác phù hợp với môn Tin học thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ⁷
7.3	Kế toán	1	Kế toán viên trung cấp	06.032	Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính.	-	-	Thông tư số 29/2022/TT-BTC ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính ⁶
8	Trường Tiểu học Dơi Lầu	1						
9.1	Giáo viên dạy nhiều môn	1	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên tiểu học.	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ⁷
9	Trường Tiểu học Hòa Hiệp	1						
8.1	Giáo viên Âm nhạc	1	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	- Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên môn Âm nhạc. - Trường hợp có bằng cử nhân chuyên ngành khác phù hợp với môn Âm nhạc thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ⁷
10	Trường Tiểu học Tam Thôn Hiệp	2						
10.1	Giáo viên dạy nhiều môn	1	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên tiểu học.	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ⁷

Số TT	Vị trí cần tuyển dụng	Chỉ tiêu	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP	MÃ CDNN	Yêu cầu về trình độ đào tạo, bồi dưỡng (hướng dẫn quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học tại Phụ lục 2 đính kèm)			Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học	
10.2	Giáo viên Tin học	1	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	- Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên môn Tin học. - Trường hợp có bằng cử nhân chuyên ngành khác phù hợp với môn Tin học thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ⁷
11	Trường Tiểu học Thạnh An	3						
12.1	Giáo viên dạy nhiều môn	1	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên tiểu học.	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ⁷
12.2	Giáo viên Tiếng Anh	1	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	- Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên môn Tiếng Anh. - Trường hợp có bằng cử nhân chuyên ngành khác phù hợp với môn Tiếng Anh thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ⁷
12.3	Giáo viên Mỹ thuật	1	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	- Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên môn Mỹ thuật. - Trường hợp có bằng cử nhân chuyên ngành khác phù hợp với môn Mỹ thuật thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ⁷
IV	Khối trung học cơ sở	10						
1	Trường THCS Cần Thạnh	3						
1.1	Giáo viên Tin học	1	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	- Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên môn Tin học. - Trường hợp có bằng cử nhân chuyên ngành khác phù hợp với môn Tin học thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ¹⁰

Số TT	Vị trí cần tuyển dụng	Chỉ tiêu	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP	MÃ CDNN	Yêu cầu về trình độ đào tạo, bồi dưỡng (hướng dẫn quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học tại Phụ lục 2 đính kèm)			Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học	
1.2	Kế toán	1	Kế toán viên trung cấp	06.032	Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính	-	-	Thông tư số 29/2022/TT-BTC ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính ⁶
1.3	Thiết bị, thí nghiệm	1	Viên chức thiết bị, thí nghiệm	V.07.07.20	Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành Công nghệ thiết bị trường học (hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên các chuyên ngành khác phù hợp với vị trí việc làm thiết bị, thí nghiệm ở trường trung học).	-	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư số 21/2022/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ⁴
2	Trường THCS Dơi Lâu	1						
2.1	Thiết bị, thí nghiệm	1	Viên chức thiết bị, thí nghiệm	V.07.07.20	Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành Công nghệ thiết bị trường học (hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên các chuyên ngành khác phù hợp với vị trí việc làm thiết bị, thí nghiệm ở trường trung học).	-	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư số 21/2022/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ⁴
3	Trường THCS Long Hòa	3						
3.1	Giáo viên Tiếng Anh	1	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	- Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên môn Tiếng Anh. - Trường hợp có bằng cử nhân chuyên ngành khác phù hợp với môn Tiếng Anh thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ¹⁰
3.2	Kế toán	1	Kế toán viên trung cấp	06.032	Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính	-	-	Thông tư số 29/2022/TT-BTC ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính ⁶
3.3	Thiết bị, thí nghiệm	1	Viên chức thiết bị, thí nghiệm	V.07.07.20	Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành Công nghệ thiết bị trường học (hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên các chuyên ngành khác phù hợp với vị trí việc làm thiết bị, thí nghiệm ở trường trung học).	-	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư số 21/2022/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ⁴
4	Trường THCS Lý Nhơn	2						

Số TT	Vị trí cần tuyển dụng	Chỉ tiêu	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP	MÃ CDNN	Yêu cầu về trình độ đào tạo, bồi dưỡng (hướng dẫn quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học tại Phụ lục 2 đính kèm)			Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học	
4.1	Giáo viên Tin học	1	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	- Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên môn Tin học. - Trường hợp có bằng cử nhân chuyên ngành khác phù hợp với môn Tin học thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ¹⁰
4.2	Thư viện	1	Thư viện viên hạng III	V.10.02.06	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành thông tin - thư viện. Trường hợp tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thông tin - thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp.	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư số 08/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ⁹
			Thư viện viên hạng IV	V.10.02.07	Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành thông tin - thư viện. Trường hợp tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thông tin - thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp.	-	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	
5	Trường THCS Tam Thôn Hiệp	1						
5.1	Thư viện	1	Thư viện viên hạng III	V.10.02.06	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành thông tin - thư viện. Trường hợp tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thông tin - thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp.	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư số 08/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ⁹
			Thư viện viên hạng IV	V.10.02.07	Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành thông tin - thư viện. Trường hợp tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thông tin - thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp.	-	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	

Số TT	Vị trí cần tuyển dụng	Chỉ tiêu	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP	MÃ CDNN	Yêu cầu về trình độ đào tạo, bồi dưỡng (hướng dẫn quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học tại Phụ lục 2 đính kèm)			Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học	
B	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP Y TẾ	54						
I	Trung tâm Y tế huyện Cần Giờ	54						
1	Bác sĩ	41	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Tốt nghiệp bác sĩ nhóm ngành Y học (trừ ngành Y học dự phòng)	Sử dụng được ngoại ngữ	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ ¹¹ ; Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ Y tế ¹²
2	Bác sĩ Y học dự phòng	1	Bác sĩ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	Tốt nghiệp bác sĩ chuyên ngành Y học dự phòng	Sử dụng được ngoại ngữ	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ ¹¹ ; Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ Y tế ¹²
3	Y tế công cộng	1	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	Tốt nghiệp đại học nhóm ngành Y tế công cộng; đại học nhóm ngành Quản lý y tế	Sử dụng được ngoại ngữ	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	Thông tư liên tịch số 11/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ ¹³ ; Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ Y tế ¹²
4	Kỹ thuật y	2	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành Kỹ thuật hình ảnh, Vật lý trị liệu, Phục hồi chức năng.	-	-	Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ ¹⁴ ; Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ Y tế ¹²
5	Hộ sinh	5	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Tốt nghiệp cao đẳng Hộ sinh trở lên	-	-	Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ ¹⁴ ; Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ Y tế ¹²

Số TT	Vị trí cần tuyển dụng	Chỉ tiêu	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP	MÃ CDNN	Yêu cầu về trình độ đào tạo, bồi dưỡng (hướng dẫn quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học tại Phụ lục 2 đính kèm)			Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học	
6	Điều dưỡng	4	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Tốt nghiệp cao đẳng Điều dưỡng trở lên.	-	-	Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ ¹⁴ ; Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ Y tế ¹²
C	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP VĂN HÓA THỂ THAO	12						
I	<i>Trung tâm Văn hóa - Thể thao và truyền thông huyện Cần Giờ</i>	12						
1	Phóng viên	2	Phóng viên hạng III	V.11.02.06	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên ngành báo chí. Trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học khác ngành báo chí thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng về nghiệp vụ báo chí do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp ngành báo chí.	Sử dụng được ngoại ngữ	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	Thông tư số 13/2022/TT-BTTTT ngày 26/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông ¹⁵
2	Tổ chức sự kiện (âm thanh)	2	Âm thanh viên hạng IV	V11.09.26	Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành âm thanh; công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông.	-	-	Thông tư số 07/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông ¹⁶
3	Chuyên trách Văn hóa - Thể thao xã	3	Hướng dẫn viên văn hóa hạng III	V.10.07.23	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với lĩnh vực văn hóa cơ sở.	Sử dụng được ngoại ngữ	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	Thông tư số 03/2022/TT-BVHTTDL ngày 07/7/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ¹⁷
4	Công nghệ thông tin	2	Công nghệ thông tin hạng III	V. 11.06.14	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên các ngành đào tạo về công nghệ thông tin hoặc các ngành gần đào tạo về công nghệ thông tin.	Sử dụng được ngoại ngữ	-	Thông tư số 08/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông ⁸
			Công nghệ thông tin hạng IV	V. 11.06.15	Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên các ngành đào tạo về công nghệ thông tin hoặc các ngành gần đào tạo về công nghệ thông tin.	-	-	
5	Nghiệp vụ thể thao cộng đồng	3	Huấn luyện viên (hạng III)	V.10.01.03	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực thể dục thể thao.	Sử dụng được ngoại ngữ	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	Thông tư số 07/2022/TT-BVHTTDL ngày 25/10/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ¹⁸

Số TT	Vị trí cần tuyển dụng	Chỉ tiêu	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP	MÃ CDNN	Yêu cầu về trình độ đào tạo, bồi dưỡng (hướng dẫn quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học tại Phụ lục 2 đính kèm)			Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học	
D	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP KHÁC	9						
I	Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Tân Giời	8						
1	Quản lý, bảo vệ rừng	3	Quản lý bảo vệ rừng viên (hạng III)	V.03.10.29	Tốt nghiệp Đại học trở lên chuyên ngành Lâm nghiệp, Môi trường, Luật, Thủy sản.	Sử dụng được ngoại ngữ	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	Thông tư số 18/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/12/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ¹⁸
2	Du lịch sinh thái	2	Quản lý bảo vệ rừng viên (hạng III)	V.03.10.29	Tốt nghiệp Đại học trở lên chuyên ngành Du lịch	Sử dụng được ngoại ngữ	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	Thông tư số 18/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/12/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ¹⁹
3	Kế hoạch	1	Chuyên viên	01.003	Tốt nghiệp Đại học trở lên chuyên ngành Kế toán	Sử dụng được ngoại ngữ	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	Thông tư số 2/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ; Thông tư số 06/2022/TT-BNV ngày 28/6/2022 của Bộ Nội vụ ²⁰
4	Tổ chức - Hành chính	2	Chuyên viên	01.003	Tốt nghiệp Đại học trở lên chuyên ngành Lâm nghiệp, Quản trị hành chính, Luật.	Sử dụng được ngoại ngữ	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	Thông tư số 2/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ; Thông tư số 06/2022/TT-BNV ngày 28/6/2022 của Bộ Nội vụ ²⁰

Số TT	Vị trí cần tuyển dụng	Chỉ tiêu	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP	MÃ CDNN	Yêu cầu về trình độ đào tạo, bồi dưỡng (hướng dẫn quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học tại Phụ lục 2 đính kèm)			Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học	
II	Ban Bồi thường Giải phóng mặt bằng huyện Cần Giờ	I						
1	Kiểm kê và lập hồ sơ bồi thường	1	Chuyên viên	01.003	Tốt nghiệp Đại học trở lên chuyên ngành Quản lý đất đai, Kinh tế, Luật.	Sử dụng được ngoại ngữ	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	Thông tư số 2/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ; Thông tư số 06/2022/TT-BNV ngày 28/6/2022 của Bộ Nội vụ ²⁰
TỔNG CỘNG		120						

*** Chú thích:**

¹ Thông tư 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học phổ thông công lập.

² Thông tư số 03/2018/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 06 năm 2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp.

³ Thông tư số 22/2022/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương viên chức giáo vụ trong trường phổ thông dân tộc nội trú, trường trung học phổ thông chuyên, trường dự bị đại học và trường dành cho người khuyết tật công lập.

⁴ Thông tư số 21/2022/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương viên chức thiết bị, thí nghiệm trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trường chuyên biệt công lập.

⁵ Thông tư liên tịch số 19/2016/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 22 tháng 6 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật trong các cơ sở giáo dục công lập.

⁶ Thông tư số 29/2022/TT-BTC ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ.

⁷ Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường tiểu học công lập.

⁸ Thông tư số 08/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin, an toàn thông tin.

⁹ Thông tư số 08/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin, an toàn thông tin.

¹⁰ Thông tư 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học cơ sở công lập.

¹¹ Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27 tháng 5 năm 2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ. Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế.

¹² Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế.

¹³ Thông tư liên tịch số 11/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp y tế công cộng.

¹⁴ Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.

¹⁵ Thông tư số 13/2022/TT-BTTTT ngày 26/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức biên tập viên, phóng viên, biên dịch viên và đạo diễn truyền hình thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông.

¹⁶ Thông tư số 07/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức âm thanh viên, phát thanh viên, kỹ thuật dựng phim, quay phim thuộc chuyên ngành Thông tin và Truyền thông.

¹⁷ Thông tư số 03/2022/TT-BVHTTDL ngày 07/7/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành văn hóa cơ sở.

¹⁸ Thông tư số 07/2022/TT-BVHTTDL ngày 25/10/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành thể dục thể thao.

¹⁹ Thông tư số 18/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/12/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành khuyến nông, chuyên ngành quản lý bảo vệ rừng; Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

²⁰ Thông tư số 2/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư. Thông tư số 06/2022/TT-BNV ngày 28/6/2022 của Bộ Nội vụ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư.